

Số: /KH-THCVL

Quận 6, ngày 27 tháng 11 năm 2018

KẾ HOẠCH
Tổ chức Kiểm tra định kì cuối học kì I năm học 2018-2019

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học (TT30);

Căn cứ Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (TT22);

Căn cứ công văn số 973/GDĐT-TH ngày 31 tháng 10 năm 2018 của phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp tiểu học kể từ năm học 2018-2019;

Căn cứ vào kế hoạch số 158/KH-THCVL ngày 7 tháng 9 năm 2018 của trường tiểu học Châu Văn Liêm về phương hướng nhiệm vụ năm học 2018-2019,

Trường tiểu học Châu Văn Liêm hướng dẫn kiểm tra định kì cuối Học kì I năm học 2018-2019 như sau:

I. Yêu cầu chung:

- Thực hiện theo quy định tại TT30 và TT22 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát triển năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.
- Đánh giá toàn diện học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.
- Đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, đánh giá định kì bằng điểm số kết hợp với nhận xét; Kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, trong đó đánh giá của giáo viên là quan trọng nhất.
- Thực hiện nghiêm túc nhưng phải nhẹ nhàng, thân thiện.
- Để việc khen thưởng học sinh cuối năm học đảm bảo thực chất và có ý nghĩa thiết thực, tránh những hiện tượng đáng tiếc, cần kiên quyết khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, tránh khen tràn lan gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong xã hội và giáo dục học sinh.

- Giáo viên là người chịu trách nhiệm trước nhà trường về việc minh bạch, khách quan, trung thực trong đánh giá kết quả giáo dục và khen thưởng học sinh cuối năm học.

II. Tổ chức ôn tập và lịch Kiểm tra định kì cuối học kì I:

1. Tổ chức ôn tập:

- Các giáo viên cần xây dựng kế hoạch ôn tập cho học sinh và có kế hoạch phụ đạo riêng cho học sinh có kết quả đánh giá thường xuyên chưa hoàn thành; thông báo lịch kiểm tra và những điều kiện tuyển sinh vào lớp 6 đến cha mẹ học sinh, phối hợp cùng gia đình nhằm chuẩn bị các điều kiện học tập thật tốt cho học sinh. Tuyệt đối không chạy theo thành tích để đối phó, gây áp lực tạo không khí căng thẳng, nặng nề cho giáo viên, học sinh và gia đình các em.

- Việc tổ chức ôn tập được thực hiện ngay trên lớp học, không giao bài tập về nhà đối với học sinh học 2 buổi/ngày hay quá nhiều bài tập cho học sinh lớp 1 buổi; không soạn đề cương bắt buộc học sinh làm bài, tránh việc nhồi nhét kiến thức dưới hình thức học thuộc lòng bài mẫu, đề cương. Giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh cách tự học, ôn tập theo chương trình sách giáo khoa hiện đang sử dụng.

2. Lịch kiểm tra định kì cuối học kì I:

TUẦN	MÔN	THỜI GIAN KIỂM TRA	PHÂN CÔNG
17	TIẾNG VIỆT 1, 3	7g 30, thứ ba ngày 18/12/2018	Giáo viên khối 1, 2, 3, 4
	TIẾNG VIỆT 2	13g 30, thứ ba ngày 18/12/2018	Giáo viên khối 2, 3
	TIẾNG VIỆT 5	7g 30, thứ tư ngày 19/12/2018	Giáo viên khối 5 và 1 số giáo viên (theo lịch phân công)
	TIẾNG VIỆT 4	13g 30, thứ tư ngày 19/12/2018	Giáo viên khối 4, 5
	TOÁN 1, 3	7g 30, thứ năm ngày 20/12/2018	Giáo viên khối 1, 2, 3, 4
	TOÁN 2	13g 30, thứ năm ngày 20/12/2018	Giáo viên khối 2, 3
	TOÁN 5	7g 30, thứ sáu ngày	Giáo viên khối 5 và 1 số giáo viên (theo

		21/12/2018	lịch phân công)
	TOÁN 4	13g 30, thứ sáu ngày 21/12/2018	Giáo viên khối 4, 5
	TIN HỌC 1, 2, 3, 4, 5	Theo thời khóa biểu	GV Tin học và GVCN
18	KHOA HỌC 4	7g 30, thứ ba, ngày 25/12/2018	Giáo viên khối 4, 5
	KHOA HỌC 5	13g 30, thứ ba ngày 25/12/2018	Giáo viên khối 3, 5 và cô Giang
	LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ 4	7g 30, thứ tư, ngày 26/12/2018	Giáo viên khối 4, 5
	LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ 5	13g 30, thứ tư ngày 26/12/2018	Giáo viên khối 4, 5
	TIN HỌC 5	Theo thời khóa biểu	GV Tin học và GVCN
	TIẾNG ANH 1, 2, 3, 4, 5	Theo thời khóa biểu	GV Tiếng Anh và GVCN
	TIẾNG HOA 5	Theo thời khóa biểu	GV Tiếng Hoa và GVCN

III. Tổ chức thực hiện:

1. Việc đánh giá thường xuyên: Thực hiện theo điều 6 của TT22.

2.1. Đánh giá thường xuyên là đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện về kiến thức, kỹ năng, thái độ và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và các hoạt động giáo dục. Đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh nhằm hỗ trợ, điều chỉnh kịp thời, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

2.2. Đánh giá thường xuyên về học tập:

a) Giáo viên dùng lời nói chỉ ra cho học sinh biết được chỗ đúng, chưa đúng và cách sửa chữa; viết nhận xét vào vở hoặc sản phẩm học tập của học sinh khi cần thiết, có biện pháp cụ thể giúp đỡ kịp thời;

b) Học sinh tự nhận xét và tham gia nhận xét sản phẩm học tập của bạn, nhóm bạn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập để học và làm tốt hơn;

c) Khuyến khích cha mẹ học sinh trao đổi với giáo viên về các nhận xét, đánh giá học sinh bằng các hình thức phù hợp và phối hợp với giáo viên động viên, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện.

2.3. Đánh giá thường xuyên về năng lực, phẩm chất:

a) Giáo viên căn cứ vào các biểu hiện về nhận thức, kỹ năng, thái độ của học sinh ở từng năng lực, phẩm chất để nhận xét, có biện pháp giúp đỡ kịp thời;

b) Học sinh được tự nhận xét và được tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng năng lực, phẩm chất để hoàn thiện bản thân;

c) Khuyến khích cha mẹ học sinh trao đổi, phối hợp với giáo viên động viên, giúp đỡ học sinh rèn luyện và phát triển năng lực, phẩm chất.”

2. Việc đánh giá định kì về năng lực, phẩm chất:

Giáo viên chủ nhiệm căn cứ vào các biểu hiện liên quan đến nhận thức, kỹ năng, thái độ trong quá trình đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển từng năng lực, phẩm chất của mỗi học sinh, tổng hợp theo các mức: Tốt, Đạt, Cần cố gắng.

3. Việc đánh giá định kì về học tập:

3.1. Đối với các môn học không có bài kiểm tra định kì:

Giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và chuẩn kiến thức, kỹ năng để đánh giá học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục và tổng hợp theo các mức: Hoàn thành tốt, Hoàn thành, Chưa hoàn thành.

3.2. Đối với các môn học có bài kiểm tra định kì:

3.2.1. Việc ra đề kiểm tra định kì các môn học:

Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra định kì; có kế hoạch tổ chức kiểm tra định kì; có quyết định thành lập hội đồng kiểm tra định kì, hội đồng ra đề, duyệt đề, bảo mật đề, lập biên bản giao nhận bài kiểm tra; coi, chấm kiểm tra định kì. Quy trình ra đề, duyệt đề phải thực hiện nghiêm túc, cẩn trọng để đảm bảo tính chính xác, khoa học.

- Nội dung đề kiểm tra định kì căn cứ theo Chuẩn kiến thức, kỹ năng của từng môn học và định hướng phát triển năng lực học sinh; phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh và yêu cầu giảm tải theo đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời thực hiện đúng các hướng dẫn, rút kinh nghiệm của các cấp quản lý giáo dục; những kiến thức, kỹ năng nào được giảng dạy với số tiết nhiều hơn thì ưu tiên ra đề kiểm tra.

+ Nội dung giới hạn Toán và Tiếng Việt lớp 4, 5: **từ tuần 11 đến tuần 16.**

+ Các môn còn lại từ tuần 1 đến tuần 16. Riêng đọc thành tiếng các khối từ tuần 11 đến tuần 16.

- Câu lệnh trong đề kiểm tra cần tường minh, chặt chẽ, khoa học. Phần hướng dẫn chấm phải chi tiết, rõ ràng từng câu và có đáp án chính xác. Đáp án phải phù hợp với yêu cầu của lệnh đề.

- Đảm bảo tính phân hóa cho từng đối tượng học sinh, được thiết kế theo 4 mức độ (Điều 10 của TT22).

+ Mức 1: Nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kỹ năng đã học: **40%**

+ Mức 2: Hiểu kiến thức, kỹ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân: **30%**

+ Mức 3: Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống: **20%**

+ Mức 4: Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt: **10%**

- Đối với các môn có bài kiểm tra định kỳ cần bám sát những quy định tại Điều 10 TT22, cụ thể đối với từng môn cần lưu ý:

3.2.2. Môn Toán: Ra đề kiểm tra theo ma trận

- **Thời gian làm bài:**
 - + Lớp 1: 35 phút
 - + Lớp 2, 3, 4, 5: 40 phút
- **Hình thức:**
 - + Trắc nghiệm: 3 điểm
 - + Tự luận: 7 điểm

- **Đối với các mạch kiến thức:**

+ Số học (khoảng 50%): Củng cố về các vòng số và các phép tính trên các vòng số.

+ Đại lượng và đo đại lượng (khoảng 27%): tập trung về các bảng đơn vị đo.

+ Yếu tố hình học (khoảng 23%): Xoay quanh các hình trọng tâm trong chương trình đã học.

+ Giải toán có lời văn: tăng cường các bài toán phát triển năng lực, thông qua các tình huống trong thực tế cuộc sống được tích hợp vào trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng. Không ra các dạng toán khó trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi.

- Lớp 1: Nhìn mô hình và điền phép tính
- Lớp 2: 1 lời giải và 1 phép tính.
- Lớp 3: tối đa 2 lời giải và 2 phép tính.
- Lớp 4: tối đa 3 lời giải và 3 phép tính.
- Lớp 5: tối đa 4 lời giải và 4 phép tính.

3.2.3. Môn Tiếng Việt:

- Khuyến khích sử dụng các văn bản ngoài sách giáo khoa đối với nội dung Đọc thầm; áp dụng các bài tập luyện viết (đối với học sinh lớp 1), bài tập Luyện từ

và Câu mới, mẫu bài tập hướng đến khắc phục lỗi chính tả phương ngữ của học sinh theo nội dung đã được tập huấn, nội dung đề (đặc biệt là đề Đọc thầm) cần hướng đến việc kiểm tra kỹ năng đọc và đọc hiểu của học sinh (tiến đến khuyến khích văn hóa đọc trong các giai đoạn giảng dạy sau). Giáo viên cần chú ý:

+ Độ dài đoạn văn đọc thành tiếng, văn bản sử dụng trong bài đọc thầm, tỷ lệ điểm của các câu hỏi trong bài đọc thầm tương ứng với tỷ lệ mức độ nhận thức cần đạt, lỗi chính tả, phong chữ, cỡ chữ....

+ Cấu trúc ma trận đề (số điểm từng câu, mức độ nhận thức của câu hỏi, số câu hỏi, tính chính xác của ma trận và đề...), mức độ đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng, cách ra câu lệnh, nội dung hỏi ở mức độ nhận thức 4, độ “mở” của đề Tập làm văn, hướng dẫn chấm tập làm văn theo hướng “mở”...

3.2.4. Môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí:

- Khoa học: Kiểm tra cho điểm cuối học kì I.

- Lịch sử - Địa lí: Kiểm tra cho điểm cuối học kì I. Mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của bài kiểm tra.

* **Thời gian làm bài kiểm tra:** Từ 35 đến 40 phút.

* **Hình thức đề kiểm tra:**

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: có cả câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận. Thực hiện soạn đề theo ma trận có 4 mức độ.

- Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

* **Cấu trúc đề kiểm tra:**

- **Môn Khoa học:**

+ Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (nhiều lựa chọn, chọn Đúng – Sai, điền khuyết – viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi,...)

+ Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi tùy theo đặc trưng bộ môn.

- **Môn Lịch sử - Địa lí:**

+ Phần Lịch sử (5 điểm):

- Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.
- Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

+ Phần Địa lí (5 điểm):

- Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.
- Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

+ Câu hỏi trắc nghiệm gồm cả phần Lịch sử và Địa lí có đủ các dạng bài tập (nhiều lựa chọn, chọn Đúng – Sai, điền khuyết – viết tiếp, đối chiếu cặp đôi,...)

+ Ở mức 4 chỉ nên sử dụng 1 câu – hoặc nội dung Lịch sử hoặc nội dung Địa lí.

*** Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn:**

- Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình;
- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;
- Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể;
- Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa;
- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh;
- Mỗi phương án nhiều phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức;
- Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh;
- Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra;
- Phân lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn;
- Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất;
- Hạn chế đưa ra phương án “*Tất cả các đáp án trên đều đúng*” hoặc “*không có phương án nào đúng*”.

*** Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận**

- Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình;
- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;
- Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới;
- Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo;
- Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó;
- Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh;
- Yêu cầu học sinh phải hiểu và vận dụng nhiều, nâng cao hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin;

3.2.5. Môn Tin học:

- Thời gian làm bài kiểm tra: Bài kiểm tra tin học được tiến hành trong thời gian một tiết học, với 30% thời gian cho bài tập lý thuyết và 70% cho bài tập thực hành.

- Đề kiểm tra:

+ Đề kiểm tra bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn tin học được hướng dẫn kèm theo văn bản số 3393/GDĐT-TH, được xây dựng từ ma trận đề kiểm tra.

+ Khuyến khích ra đề kiểm tra lý thuyết dưới dạng trắc nghiệm, có thể sử dụng các phần mềm tạo trắc nghiệm để chuẩn bị sẵn cho học sinh làm bài trắc nghiệm ngay trên máy tính.

+ Đề kiểm tra thực hành bảo đảm có từ hai bài tập trở lên từ cơ bản (Thực hành theo mẫu cho sẵn) đến nâng cao (Thực hành sáng tạo).

- *Đánh giá:* Kết quả kiểm tra là kết quả tổng cộng từ hai phần lý thuyết và thực hành với tỉ lệ điểm là 5 điểm lý thuyết và 5 điểm thực hành.

3.2.6. Môn Tiếng Anh (TA tăng cường - TA Đề án):

*** Thời gian làm bài kiểm tra:**

- Bài kiểm tra môn tiếng Anh được tiến hành trong **thời gian 40 phút cho 03 kĩ năng:** Nghe (10 phút), Viết (15 phút), Đọc (15 phút). Riêng kĩ năng Nói, giáo viên kiểm tra theo các tiết dạy trên lớp.

*** Nội dung kiểm tra:**

- Nội dung đề kiểm tra cần đáp ứng theo yêu cầu của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ GD&ĐT và tiệm cận với các chuẩn đánh giá quốc tế (Cambridge hoặc TOEFL Primary).

- Bám sát theo công văn số 2978/GDĐT-TH ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Sở Giáo Dục và Đào tạo về Hướng dẫn chuyên môn tiếng Anh cấp Tiểu học năm học 2018-2019.

- Học sinh học theo bộ sách nào, đề kiểm tra được soạn trên ngữ liệu của sách đó.

*** Đánh giá:**

Kết quả kiểm tra là kết quả trung bình cộng từ 04 kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết.

4. Việc ra đề KTĐK cho các khối lớp:

- Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên phụ trách từng lớp gửi đề đề xuất của cá nhân trên cơ sở ma trận đề đã được tổ khối thống nhất và hiệu trưởng phê duyệt.

- Tổ chuyên môn thảo luận các đề do giáo viên phụ trách từng lớp đề xuất và thống nhất chọn hoặc biên soạn lại đề và trình cho hiệu trưởng phê duyệt.

- Số lượng đề gửi cho hiệu trưởng phê duyệt 03 bộ/môn

+ **Môn Tin học:** Giáo viên Tin học thống nhất soạn 2 đề kiểm tra chung cho mỗi khối.

+ **Môn Tiếng Anh, Tiếng Hoa:** Tổ chuyên môn thống nhất soạn 2 đề kiểm tra chung cho mỗi khối.

- Hiệu trưởng sẽ chịu trách nhiệm kiểm tra, điều chỉnh đề cho đúng quy định và chọn lại 1 đề chính thức và 1 đề dự phòng để làm đề kiểm tra cho khối. Đề kiểm tra cần được Hiệu trưởng xem xét cẩn thận, tránh sai sót.

- **Khâu in ấn đề kiểm tra định kì:** Hiệu trưởng giao cho Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn và văn thư chịu trách nhiệm khâu in ấn và bảo mật đề.

5. Tổ chức coi kiểm tra định kì:

- Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong lớp và giáo viên lớp trên cùng tham gia coi kiểm tra định kì (riêng đối với lớp 5 do giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong lớp và giáo viên lớp khác khối cùng tham gia coi kiểm tra định kì);

- Phân công giám thị theo tiêu chí: giáo viên chủ nhiệm lớp làm giám thị 2 và giáo viên lớp trên làm giám thị 1 (riêng đối với lớp 5 giáo viên chủ nhiệm lớp làm giám thị 2 và giáo viên lớp khác khối làm giám thị 1).

6. Tổ chức chấm kiểm tra định kì:

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong lớp và giáo viên lớp trên cùng tham gia chấm kiểm tra định kì (riêng đối với lớp 5 do giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong lớp và giáo viên lớp khác khối cùng tham gia chấm kiểm tra định kì).

Bài kiểm tra định kì được giáo viên nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế, cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10 (mười), không cho điểm 0 (không) và điểm thập phân, đồng thời trả lại bài cho học sinh theo công văn số 877/GDDT-TH ngày 30/11/2016 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo viên không được tùy tiện nâng điểm, hạ điểm khi chấm bài làm của học sinh.

- Lưu ý quy định về cách tính điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt như sau:

+ Bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt gồm có hai kỹ năng: kỹ năng Đọc và kỹ năng Viết.

+ Điểm kiểm tra cho từng kỹ năng Đọc và Viết là tổng điểm của các nội dung trong từng kỹ năng và không được làm tròn. Ví dụ: *điểm nội dung Đọc thăm là 5, nội dung Đọc thành tiếng là 3,5; như vậy điểm của kỹ năng Đọc là 8,5.*

+ Điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt là trung bình cộng điểm của 2 kỹ năng Đọc, Viết quy về thang điểm 10 (chia số điểm thực tế cho 2) và được làm tròn 0,5 thành 1. Ví dụ: *điểm kiểm tra của 2 kỹ năng Đọc, Viết là 19, quy về thang điểm 10 là 9,5 (làm tròn số thành 10).*

7. Đối với học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập; học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục chuyên biệt; học sinh lang thang cơ nhỡ, lớp học linh hoạt thực hiện theo Điều 12, TT22 “*Học sinh khuyết tật học theo*

phương thức giáo dục hoà nhập được đánh giá như đối với học sinh không khuyết tật có điều chỉnh yêu cầu hoặc theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân.”.

8. Thực hiện hồ sơ đánh giá:

Thực hiện theo Điều 13 của TT22 và công văn số 877/GDĐT-TH ngày 30/11/2016 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8.1. Hồ sơ đánh giá gồm Học bạ và Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

8.2. Giáo viên ghi kết quả đánh giá giáo dục của học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của các lớp được lưu giữ tại nhà trường theo quy định.

8.3. Giáo viên chủ nhiệm ghi kết quả đánh giá giáo dục của học sinh vào Học bạ. Học bạ được nhà trường lưu giữ trong suốt thời gian học sinh học tại trường, được giao cho học sinh khi hoàn thành chương trình tiểu học hoặc đi học trường khác.”

Trên đây là kế hoạch Tổ chức kiểm tra định kì cuối học kì I năm học 2018–2019. Nhà trường tổ chức triển khai đầy đủ văn bản này đến tập thể sư phạm nhà trường và nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ đánh giá định kì cuối học kì I năm 2018–2019.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT “đề báo cáo”;
- BGH , 7TTCM
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Chung Minh Bảo